

Số: 277/KH-DHĐN

Đồng Nai, ngày 27 tháng 02 năm 2023

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện chiến lược phát triển Trường Đại học Đồng Nai**  
**đến năm 2025 và giai đoạn 2025-2030**

Thực hiện Nghị quyết số 79/NQ-HĐT ngày 12/01/2023 của Hội đồng Trường ban hành chiến lược phát triển Trường Đại học Đồng Nai đến năm 2025 và giai đoạn 2025-2030. Trường Đại học Đồng Nai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 79/NQ-HĐT ngày 12/01/2023 của Hội đồng Trường ban hành chiến lược phát triển Trường Đại học Đồng Nai đến năm 2025 và giai đoạn 2025-2030 góp phần thúc đẩy phát triển giáo dục trên phạm vi toàn tỉnh.

- Thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của Trường Đại học Đồng Nai. Xây dựng Trường Đại học Đồng Nai trở thành cơ sở đào tạo khoa học và công nghệ có thể mạnh trong các lĩnh vực sư phạm, quản lý giáo dục, đào tạo ngoại ngữ và các chuyên ngành kỹ thuật, logistics, thương mại điện tử, kinh tế và du lịch phục vụ cho phát triển của Cảng hàng không Long Thành, các khu công nghiệp gắn với yêu cầu khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (*Văn kiện NQĐH Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, tr46, 47*). Trở thành địa chỉ đào tạo trình độ thạc sĩ cho các ngành: sư phạm (phương pháp dạy học các bộ môn ở trường phổ thông); kế toán; quản trị kinh doanh; ngôn ngữ Anh; kỹ thuật điện-điện tử; kỹ thuật cơ khí; công nghệ thông tin; công nghệ hóa; công nghệ môi trường . . . và trình độ tiến sĩ cho các ngành nói trên kể từ sau 2030 của tỉnh và khu vực Đông Nam bộ.

**2. Yêu cầu**

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu trong việc thực hiện Chiến lược đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

- Tăng cường công tác phối hợp, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị liên quan để thực hiện, bảo đảm rõ trách nhiệm, rõ lộ trình thực hiện.

- Căn cứ điều kiện phát triển, tiềm năng, lợi thế của Nhà trường, tổ chức thực hiện Chiến lược và lồng ghép các nội dung triển khai của Chiến lược vào kế hoạch hàng năm của Nhà trường.

**II. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung:**

Phát triển Trường Đại học Đồng Nai trở thành đơn vị sự nghiệp công lập hàng đầu của tỉnh; cơ cấu hợp lý và tinh gọn; đổi mới mô hình quản lý sang quản trị; nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; đầu tư mở rộng diện tích, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các hoạt động dạy-học và NCKH.

Tập trung tăng cường phát triển CTĐT đáp ứng yêu cầu về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học, ưu tiên các nhóm ngành đáp ứng nhu cầu của tỉnh Đồng Nai và phụ cận; đánh giá chương trình đào tạo theo chuẩn đảm bảo chất lượng của các trường đại học khu vực ASEAN (AUN-QA), đáp ứng cuộc CMCN 4.0.

Đẩy mạnh hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế, đảm bảo sự đồng bộ và gắn kết với nhu cầu xã hội thông qua thị trường lao động và doanh nghiệp.

## **2. Mục tiêu cụ thể:**

### **2.1. Giai đoạn đến năm 2025**

Xây dựng Trường Đại học Đồng Nai trở thành cơ sở đào tạo khoa học và công nghệ có thế mạnh trong các lĩnh vực sư phạm, quản lý giáo dục, đào tạo ngoại ngữ và các chuyên ngành kỹ thuật, logistics, thương mại điện tử, kinh tế và du lịch phục vụ cho phát triển của Cảng hàng không Long Thành, các khu công nghiệp gắn với yêu cầu khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (*Văn kiện NQDH Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, tr46, 47*).

### **2.2. Giai đoạn đến năm 2030**

Trở thành địa chỉ đào tạo trình độ thạc sĩ cho các ngành: sư phạm (phương pháp dạy học các bộ môn ở trường phổ thông); kế toán; quản trị kinh doanh; ngôn ngữ Anh; kỹ thuật điện-điện tử; kỹ thuật cơ khí; công nghệ thông tin; công nghệ hoá; công nghệ môi trường . . . và trình độ tiến sĩ cho các ngành nói trên kể từ sau 2030 của tỉnh và khu vực Đông Nam bộ.

## **III. PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN**

### **1. Phát triển số lượng, trình độ các ngành đào tạo**

<b>Đến năm</b>	<b>Mục tiêu</b>
2025	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì các ngành hiện có.</li> <li>- Mở 09 ngành mới ở trình độ đại học: Công nghệ kỹ thuật Điện-Điện tử, Cơ khí, Tài chính ngân hàng, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, Thương mại điện tử, Luật, Công nghệ thông tin, Công nghệ thực phẩm, Văn hóa-Du lịch.</li> <li>- Mỗi học phần đều có giáo trình do giảng viên biên soạn hoặc lựa chọn từ nhà khoa học, nhà xuất bản uy tín.</li> <li>- 100% chương trình đào tạo trình độ đại học được biên soạn theo Thông tư số 17/2021/TT-BGD&amp;ĐT ngày 22/6/2021 và tiếp cận theo chuẩn AUN-QA.</li> <li>- 100% học phần được đánh giá kết quả học tập của người học thông qua trắc nghiệm khách quan (đối với lý thuyết) và thông qua năng lực thực hiện (đối với thực hành).</li> <li>- Hoàn thành kiểm định cơ sở giáo dục đại học.</li> <li>- Có ít nhất 04 chương trình đào tạo được kiểm định chất lượng theo chuẩn quốc gia.</li> <li>- Có ít nhất 03 chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.</li> <li>- Có ít nhất 05 chương trình đào tạo chất lượng cao thông qua hợp tác</li> </ul>

	quốc tế.
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỉ lệ sinh viên nợ môn, tỉ lệ sinh viên nghỉ học dưới 10%. Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt trên 80%, tỉ lệ sinh viên giỏi và xuất sắc đạt 10 - 15% tổng sinh viên toàn khóa đủ điều kiện tốt nghiệp. Tỉ lệ sinh viên có việc làm phù hợp với chuyên môn đào tạo đạt 85% trên tổng số sinh viên tốt nghiệp.</li> </ul>
2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ít nhất 50% tổng số các chương trình đào tạo được kiểm định đạt chuẩn (quốc gia, khu vực hoặc quốc tế).</li> <li>- Có ít nhất 05 chuyên ngành đào tạo ở trình độ Thạc sĩ.</li> <li>- Hàng năm có ít nhất 01 đề tài NCKH cấp tỉnh được đăng ký mới, đồng thời đảm bảo nghiệm thu đúng quy định.</li> <li>- Tỉ lệ sinh viên nợ môn, tỉ lệ sinh viên nghỉ học dưới 8%. Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp so với dự thi đạt 85% trở lên, tỉ lệ sinh viên giỏi và xuất sắc đạt 15 - 20%. Tỉ lệ sinh viên có việc làm phù hợp với chuyên môn đào tạo đạt 90% trên tổng số sinh viên tốt nghiệp.</li> <li>- Ít nhất 80% sinh viên và doanh nghiệp tương tác với nhà trường thông qua môi trường số, nhận thông tin, phản hồi chính xác, kịp thời, hài lòng với chất lượng phục vụ của GV-Nhân viên DNU.</li> </ul>

## 2. Phát triển tổ chức và quản lý

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức tinh gọn và đồng bộ, nhất là về nhân sự và hệ thống văn bản quản lý; nghiên cứu xây dựng và áp dụng mô hình quản trị đại học tiên tiến, phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường.

## 3. Phát triển đội ngũ viên chức và giảng viên

Phát triển đội ngũ viên chức và giảng viên có năng lực thực hiện nhiệm vụ do Bộ GDĐT quy định tại Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT và các văn bản pháp luật liên quan. Trong đó chú trọng khả năng giảng dạy, phát triển chương trình đào tạo, ứng dụng phương pháp dạy-học, kiểm tra đánh giá theo mô hình Đảm bảo chất lượng của các trường đại học khu vực ASEAN (AUN-QA). Nâng dần tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ. Cụ thể:

Đến năm	Mục tiêu
2025	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm 10% biên chế của đơn vị; tiếp tục giảm tỷ lệ viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước và tăng tỷ lệ viên chức hưởng lương từ nguồn kinh phí tự trang trải (tự chủ) của Trường.</li> <li>- Đảm bảo giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn đảm nhận giảng dạy ít nhất 80% khối lượng kiến thức của mỗi chương trình đào tạo.</li> <li>- Tỉ lệ sinh viên/giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn theo ngành đào tạo không quá 10 sinh viên/giảng viên đối với nhóm ngành nghệ thuật, 25 sinh viên/giảng viên đối với các nhóm ngành còn lại.</li> <li>- Giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn có trình độ tiến sĩ chiếm ít nhất 25% tổng số giảng viên.</li> <li>- Giảm tỷ lệ VC làm việc hành chính còn không quá 20%.</li> </ul>
2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn có trình độ tiến sĩ chiếm ít nhất 30% tổng số giảng viên.</li> </ul>

## 4. Phát triển chương trình đào tạo

Phát triển 100% CTĐT theo Khung trình độ quốc gia và nhu cầu của nơi sử dụng lao động (riêng Ngoại ngữ, Công nghệ thông tin theo chuẩn Quốc tế) định hướng tiếp cận mô hình CDIO và chuẩn AUN-QA.

100% CTĐT trình độ đại học hoàn thành tự đánh giá theo chuẩn quốc gia, trong đó có ít nhất 04 chương trình đào tạo được kiểm định chất lượng và mở ngành cao học.

Đưa CTĐT các kỹ năng mềm vào giảng dạy nhằm cải thiện năng suất lao động (Kỹ năng sống, Khởi nghiệp sáng tạo, Năng suất chất lượng và 5S-an toàn theo chương trình hợp tác của tỉnh với Vùng Kansai-Nhật Bản).

### **5. Phát triển phương pháp dạy, học và kiểm tra đánh giá**

100% GV sử dụng phương pháp dạy học tích cực, giúp SV thực hiện triết lý giáo dục (tham khảo tiếp cận AUN-QA), thực hiện đạt chuẩn đầu ra hoặc mục tiêu học phần.

100% đề thi lý thuyết kết thúc học phần được đưa vào ngân hàng câu hỏi và tổ chức thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính; 100% đề thi thực hành kèm tiêu chí đánh giá được công bố công khai ngay từ khi bắt đầu học phần.

Ứng dụng công nghệ thông tin, trong đó có khoảng 30% nội dung dạy học trực tuyến. Áp dụng các hình thức kiểm tra đánh giá theo hướng chuẩn quốc tế.

### **6. Phát triển NCKH và ứng dụng công nghệ phục vụ đào tạo**

Hoàn thành 100% CTĐT theo tiếp cận AUN-QA.

Hàng năm, có trên 90% giảng viên, nghiên cứu viên tham gia NCKH có bài báo, công trình được công bố trên các tạp chí và kỷ yếu khoa học công nghệ chuyên ngành có uy tín cao ở trong nước và quốc tế.

Nghiên cứu các công nghệ mới, giải pháp mới đưa vào đào tạo cho SV.

Nghiên cứu các lĩnh vực CNTT, toán ứng dụng và tính toán; nghiên cứu thiết kế các bộ thí nghiệm vật lý, mô phỏng các thí nghiệm vật lý để hỗ trợ giảng dạy lý thuyết và thực hành trên giảng đường.

### **7. Phát triển dịch vụ hỗ trợ sinh viên**

100% dịch vụ Internet, sân thể thao, thư giãn sau giờ học được quan tâm duy trì.

100% thủ tục hành chính, chế độ, chính sách được công khai lên website.

Thu hút SV sử dụng trên 80% chỗ ở hiện nay tại Ký túc xá (KTX), SV được phục vụ chu đáo (an toàn, an ninh trong sinh hoạt, ăn uống, học tập).

Đảm bảo 80% SV sau khi tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành, đáp ứng yêu cầu kiến thức, kỹ năng, tính chuyên nghiệp của nhà tuyển dụng và có khả năng học tập lên cao hơn.

### **8. Hợp tác quốc tế và hợp tác với nơi sử dụng Sinh viên.**

Mỗi năm tổ chức được ít nhất 01 hội thảo khoa học cấp trường, tham dự các hội thảo của các cơ sở đào tạo uy tín trong nước và quốc tế.

Tỷ lệ giảng viên tham gia NCKH từ 80% trở lên.

Đảm bảo mỗi ngành đào tạo có ít nhất 02 giảng viên cơ hữu đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ.

Sử dụng hợp lý 5% tổng nguồn thu để tăng cường và hiện đại hóa có trọng điểm cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ của nhà trường.

Dành 4% kinh phí từ nguồn thu học phí để hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Có đủ nguồn lực để thành lập đơn vị nghiên cứu ứng dụng trực thuộc (trung tâm trực thuộc).

### **9. Cơ sở vật chất và tài chính**

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tương ứng với kế hoạch thực hiện các hoạt động hàng năm.

Đảm bảo các hạng mục công trình theo tiêu chuẩn Quốc gia, có đủ trang thiết bị đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Giảm tỷ trọng nguồn thu từ ngân sách nhà nước, tăng nguồn thu tự chủ từ học phí và nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ khác.

Phấn đấu đến năm 2025 có thể đảm bảo 60% cho các hoạt động của nhà trường từ nguồn tự chủ.

### **10. Các hoạt động đảm bảo chất lượng**

Đến năm 2025, hoàn thành thực hiện kiểm định chất lượng nhà trường (đánh giá ngoài) theo các quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hướng đến thực hiện kiểm định quốc tế mà cụ thể là theo tiêu chuẩn và được công nhận bởi Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA);

Đến năm 2030, 50% các chương trình đào tạo đại học và 20% chương trình đào tạo cao học được kiểm định chất lượng và đánh giá chất lượng theo các bộ tiêu chuẩn trong nước và hướng đến quốc tế.

Trên 80% và SV thực hiện văn hóa chất lượng PDCA từ khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra-danh giá, vận hành và điều chỉnh (đặc biệt tuân thủ tiến độ và hiệu quả) trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Trường

### **11. Chuyển đổi số**

Chuyển đổi số để phục vụ người học từ khi tuyển sinh → đào tạo → phục vụ sinh viên → tốt nghiệp → phản hồi ý kiến cho Trường cải thiện điều kiện phục vụ và tiếp tục tuyển sinh.

80% giao dịch thu học phí, chi trả dịch vụ tại Trường không dùng tiền mặt.

Lựa chọn tối thiểu 02 trong 03 nền tảng dạy và học trực tuyến của MS Team và Google Meet, Google Classroom, được 100% giảng viên cùng học sinh, sinh viên sử dụng.

Hình thành kho học liệu trực tuyến của Trường (mô tả chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, bài giảng, bài tập, đề tài...), đồng thời kết nối với kho học liệu quốc gia đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 100% giảng viên và sinh viên.

Có ít nhất 30% học phần thuộc chương trình đào tạo theo hình thức từ xa, trực tuyến.

Về quản trị Nhà trường: 100% các phòng, khoa áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, thông qua phần mềm LMS hiện có và kết nối với hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời ứng dụng phần mềm AI của Sở Thông tin và Truyền thông để quản lý 100% văn bản đi đến, giao việc và đánh giá kết quả thực hiện tự động.

Có 80% đến 100% thủ tục hành chính (hồ sơ tuyển sinh, thu học phí, thanh toán, góp ý về chất lượng đào tạo...) thực hiện trực tuyến

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Ban Giám hiệu**

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hàng năm, các đề án nhằm cụ thể hóa để thực hiện có hiệu quả Chiến lược.

Chỉ đạo xây dựng Đề án phát triển Trường Đại học Đồng Nai giai đoạn 2023 đến 2030 trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt theo quy định làm cơ sở cho việc thực hiện các giải pháp về tài chính và cơ sở vật chất.

### **2. Các Phòng, Khoa, Đơn vị**

Các phòng, khoa, đơn vị ngoài những chức năng, nhiệm vụ chung được giao, cần tập trung xây dựng kế hoạch cụ thể giải quyết các nhiệm vụ được nêu trong chiến lược, cập nhật quy định của Bộ GDĐT và AUN-QA về đảm bảo chất lượng, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

#### **2.1. Phòng Đảm bảo chất lượng và Thanh tra giáo dục**

Xây dựng kế hoạch thực hiện đầy đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn, mốc kiểm theo quy định của Bộ GDĐT về đảm bảo chất lượng cơ sở và chương trình đào tạo, tham gia giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chiến lược của tất cả các đơn vị và cá nhân thuộc Trường, tổng hợp báo cáo BGH xử lý theo thẩm quyền.

Xây dựng thang đánh giá chất lượng làm việc, giảng dạy của đội ngũ theo văn hóa đảm bảo chất lượng nêu tại Mục 4.2.3.

Định kỳ mỗi năm một lần, tiến hành Khảo sát SV (1) ngay khi nhập học; (2) cuối mỗi học phần/tín chỉ trong quá trình học và (3) chuẩn bị tốt nghiệp). Khảo sát cựu SV (sau 6-9 tháng từ ngày tốt nghiệp). Khảo sát nơi sử dụng SV làm việc (mỗi năm 01 lần hoặc khi có kế hoạch). Nội dung phiếu khảo sát phải thiết thực, đúng yêu cầu của tiêu chí kiểm định và áp dụng CNTT để thu thập và xử lý số liệu; Triển khai và duy trì hệ thống đảm bảo chất lượng.

#### **2.2. Phòng Đào tạo**

Chủ động và phối hợp các đơn vị xây dựng kế hoạch duy trì và mở ngành đào tạo các trình độ theo quy định; Thực hiện quản lý toàn bộ quy chế đào tạo đã ban hành, ứng dụng CNTT trong quản lý; Tham gia chính trong quá trình phát triển chương trình đào tạo, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá người học.

#### **2.3. Phòng NCKH-SĐH và Hợp tác quốc tế**

Nghiên cứu ứng dụng các phương pháp, công cụ hiệu quả của các trường cao đẳng, đại học trong nước, nước ngoài để chuyển giao phục vụ nâng cao chất lượng giảng dạy-học tập, NCKH của GV và SV.

Chủ trì, phối hợp các đơn vị lập kế hoạch tổ chức các hội thảo khoa học, lập danh mục định hướng đề tài NCKH hàng năm theo mục tiêu chiến lược, tập trung việc nâng cao chất lượng làm việc, dạy và học; Tham gia đào tạo các kỹ năng khởi nghiệp sáng tạo, năng suất chất lượng, 5S và an toàn theo nhu cầu của doanh nghiệp.

Thúc đẩy quan hệ quốc tế để nâng cao năng lực ngoại ngữ, năng lực chuyên môn và kỹ năng thích ứng với sự thay đổi.

#### **2.4. Phòng Công tác sinh viên**

Chủ trì xây dựng Mô tả chương trình đào tạo kỹ năng sống; Tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho SV như các phong trào gắn với nâng cao kỹ năng sống (4C: Collaboration, Communication, Creation, Critical thinking); Phối hợp các khoa, đơn vị đảm bảo quyền và nghĩa vụ của SV, khảo sát nhu cầu việc làm từ doanh nghiệp và kết

quả làm việc của SV; Phối hợp Phòng NCKH-SĐH-QHQT và các khoa đào tạo kỹ năng khởi nghiệp sáng tạo, năng suất chất lượng, 5S và an toàn . . . Đảm bảo an toàn cho SV lưu trú tại KTX.

### **2.5. Phòng Tổ chức Hành chính và Quản trị**

Tiếp tục đề xuất UBND tỉnh chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao làm việc tại Trường giai đoạn 2022-2026.

Cùng Phòng KHTC, Phòng Đào tạo và các khoa xây dựng chính sách cấp bách thu hút nhân lực trình độ thạc sĩ, tiến sĩ duy trì ngành có sinh viên theo học và mở ngành mới; Cùng các đơn vị xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ nâng cao năng lực làm việc, giảng dạy, NCKH cho VC-GV. Rà soát, bố trí đội ngũ VC-GV theo chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm nhằm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đảm bảo ANTT, An toàn, PCCC.

### **2.6. Phòng Kế hoạch Tài chính**

Xây dựng kế hoạch tài chính, cân đối thu chi và tạo nguồn cho các hoạt động, điều kiện tài chính, tài sản thực hiện chiến lược hàng năm và cả giai đoạn 2022-2025 và 2030.

Tham mưu quy chế chi tiêu nội bộ, các quy chế tài chính khác nhằm thu hút Tiết kiệm các ngành sinh viên đông, ngành mà các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có nhu cầu lao động, đồng thời tạo động lực cho người lao động làm việc, giảng dạy, NCKH tại Trường.

Công khai các quy trình, thủ tục về tài chính, tài sản cho VC-GV và SV lên website của Trường.

### **2.7. Khoa chuyên ngành**

Tổ chức định kỳ hàng tháng hoặc trước khi bắt đầu giao học phần/tín chỉ cho GV cùng tập thể sư phạm thảo luận, xeminar về nội dung và cách thực hiện nhằm hỗ trợ GV và SV thực hiện được các nội dung như mục 5.3.

Chủ động phối hợp với các phòng, trung tâm Khảo sát SV, nơi sử dụng SV làm việc về phát triển nội dung, mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy-học, kiểm tra, đánh giá, phục vụ SV và cố vấn học tập . . .

### **2.8. Trung tâm Thông tin Thư viện**

Làm đầu mối xây dựng kế hoạch chuyển đổi số trong toàn Trường, quan tâm đến hệ thống thư viện điện tử, hệ thống Server, các nền tảng số đã được cấp quyền (MS Team, Microsoft) phục vụ dạy-học, thi, kiểm tra, đánh giá trên hệ thống khách quan, kịp thời phục vụ người học.

### **2.9. Các trung tâm và đơn vị trực thuộc**

Trong chức năng, nhiệm vụ và đổi tượng phục vụ, xây dựng kế hoạch hàng năm và đến 2025, giai đoạn 2025-2030 để triển khai thực hiện chiến lược này có hiệu quả.

## **3. Đối với viên chức, giảng viên và sinh viên**

### **3.1. Đối với viên chức**

Khắc phục khó khăn, tận tụy và trách nhiệm với công việc, đảm bảo kỷ cương hành chính, giờ làm việc, tiến độ và chất lượng công việc. Thực hiện chức trách, nhiệm vụ được phân công và gương mẫu chấp hành các quy định hiện hành của Nhà nước.

### **3.2. Đối với giảng viên**

(Ngoài những nhiệm vụ của giảng viên đại học, giáo viên các trường thực hành sự phạm được quy định trong các văn bản của Đảng, Nhà nước, của DNU)

Chủ động tham gia giảng dạy, NCKH theo hướng ứng dụng thực tế công việc hàng ngày, hợp tác quốc tế và hợp tác với các cơ sở sử dụng SV để cải tiến (1) chương trình đào tạo; (2) phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá của học phần/tín chỉ do mình thực hiện, nhằm đạt tối thiểu các yêu cầu sau:

Giúp SV có khả năng tự học, tự nghiên cứu; làm việc nhóm và khả năng trình bày vấn đề; khả năng thống kê, phân tích và tổng hợp để nhận xét, đánh giá vấn đề, đưa ra giải pháp tối ưu nhất.

Giúp SV có đủ kiến thức trọng tâm, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và có thái độ làm việc chuyên nghiệp, tâm huyết với nghề, quản lý thời gian và xây dựng được kế hoạch làm việc theo mô hình PDCA, 5S, các công cụ quản lý hiệu quả.

### **3.3. Đối với sinh viên**

SV tích cực, chủ động tìm hiểu, tra cứu tài liệu liên quan đến học phần/tín chỉ.

Liên hệ thường xuyên với khoa và cố vấn học tập để xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện ngay từ đầu khóa học và điều chỉnh từng học kỳ. Không để bị động, bị cảnh báo trong học tập.

Tham gia góp ý, đánh giá phục vụ dạy-học, ăn ở và cơ sở vật chất của Trường.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Đồng Nai đến năm 2025 và giai đoạn 2025-2030 của Trường Đại học Đồng Nai. Đề nghị lãnh đạo, điều hành các đơn vị xây dựng kế hoạch công việc theo PDCA của đơn vị để thực hiện, hàng năm có tổng hợp kết quả, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, đề xuất BGH thực hiện có hiệu quả Chiến lược đã ban hành./.

**Noi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Đảng ủy, HĐT, BGH (chỉ đạo);
- Các đơn vị (thực hiện);
- Lưu: VT, TC-HC&QT, Website.



TS. Lê Anh Đức